TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 76/2025/DS-ST. Ngày 27 – 3 – 2025. V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Quang Tâm.

Ông La Thanh Long.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLST – DS, ngày 15 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST – DS, ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn M. Chức vụ: Phó phòng Kiểm soát rủi ro, Ngân hàng T – Chi nhánh Hậu Giang. Địa chỉ: Khu vực 3, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2024). Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu vực 3, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào ngày 22/8/2016, bà Trịnh Thị A có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp

Thẻ tín dụng, bà Trịnh Thị A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.150.649 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Trịnh Thị A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 31/7/2022, Ngân hàng T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đến ngày 27/3/2025, bà Trịnh Thị A còn nợ Ngân hàng T số tiền tổng cộng là 38.460.782 đồng. Trong đó: tiền dư nợ gốc là 8.471.602 đồng; lãi quá hạn là 29.989.180 đồng. Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị A phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền vốn và lãi còn nợ nêu trên và số tiền lãi đến ngày tất toán nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Thị A đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa bà Trịnh Thị A vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là Ngân hàng T có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, thông báo thu hồi nợ và hồ sơ mở Thẻ tín dụng của bị đơn. Bị đơn bà Trịnh Thị A không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng T khởi kiện bà Trịnh Thị A cho rằng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng vay tiền với hình thức sử dụng Thẻ tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Trịnh Thị A có nơi cư trú khi xác lập giao dịch tại khu vực 3, phường I, thành phố Vị Thanh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 22/8/2026, bà Trịnh Thị A có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 27/3/2025, bà Trịnh Thị A còn nợ Ngân hàng T số tiền tổng cộng là 38.460.782 đồng. Trong đó: tiền dư nợ gốc là 8.471.602 đồng; lãi quá hạn là 29.989.180 đồng. Ngân hàng T đã yêu cầu thanh toán số tiền nợ nêu trên nhưng bà Trịnh Thị A không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu trả nợ. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các bên gặp nhau hòa giải để trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ vốn và lãi nhưng bị đơn là bà Trịnh Thị A đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Bà Trịnh Thị A cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh là không có nợ hoặc đã trả xong vốn, lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì

tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ". Do bà Trịnh Thị A không thực hiện đúng cam kết trả nợ và cũng không tạo điều kiện thỏa thuận được việc trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu xử lý nợ theo hợp đồng đã ký kết để thu hồi nợ. Do đó, việc Ngân hàng T khởi kiện để yêu cầu bà Trịnh Thị A trả nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trịnh Thị A phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[4] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Ông Dương Văn Mến là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Trịnh Thị A là bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng nhiều lần và triệu tập hợp lệ dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trịnh Thị A phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tổng cộng vốn, lãi tính đến ngày 27/3/2025 là 38.460.782 (ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bảy trăm tám mươi hai) đồng. Trong đó: tiền dư nợ gốc là 8.471.602 (tám triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm linh hai) đồng; lãi quá hạn là 29.989.180 (hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi) đồng.

2. Bà Trịnh Thị A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với Ngân hàng T, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trịnh Thị A phải chịu 1.923.000 (một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng. Ngân hàng T được nhận lại 896.000 (tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0001171 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện